



KẾ HOẠCH

Kiểm tra cải cách hành chính và kiểm soát thủ tục hành chính năm 2025

Căn cứ Kế hoạch số 417/KH- UBND ngày 31/12/2024 của UBND tỉnh về cải cách hành chính tỉnh Đồng Nai năm 2025; Kế hoạch số 404/KH-UBND ngày 30/12/2024 của UBND tỉnh về kiểm soát thủ tục hành chính của tỉnh Đồng Nai năm 2025 và Kế hoạch số 415/KH-UBND ngày 31/12/2024 của UBND tỉnh về kiểm tra cải cách hành chính, kiểm tra kiểm soát thủ tục hành chính năm 2025;

Sở Xây dựng ban hành Kế hoạch Kiểm tra cải cách hành chính (CCHC) và kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC) năm 2025, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Nhằm kịp thời đánh giá chất lượng và tiến độ thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính của các phòng, đơn vị.
- Kịp thời nắm bắt những tồn tại, hạn chế để hướng dẫn các phòng, đơn vị tổ chức thực hiện hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.
- Qua kiểm tra kịp thời phát hiện và nhân rộng những sáng kiến, cách làm hay trong tổ chức, triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính.
- Kết quả kiểm tra để làm cơ sở đánh giá công vụ cuối năm đối với các phòng, đơn vị và công chức, viên chức.

2. Yêu cầu

- Nội dung kiểm tra có trọng tâm; hoạt động kiểm tra phải chính xác, khách quan, đúng quy định của pháp luật và không làm cản trở hoạt động của các phòng, đơn vị được kiểm tra.
- Qua kiểm tra làm rõ những mặt tích cực, những tồn tại, hạn chế; đồng thời, kiến nghị các biện pháp xử lý cụ thể.

II. NỘI DUNG KIỂM TRA

Kiểm tra việc triển khai và kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC, kiểm soát TTHC, nâng cao Chỉ số CCHC tại các phòng, đơn vị thuộc Sở trong năm 2025 (tính đến thời điểm kiểm tra), tập trung vào các nhiệm vụ: (1) Công tác triển khai, quán triệt, chỉ đạo thực hiện công tác cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính; (2) Cải cách thể chế; (3) Cải cách thủ tục hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính; (4) Cải cách tổ chức bộ máy; (5) Cải cách chế độ công vụ; (6) Cải cách tài chính công; (7) Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số.

III. ĐỐI TƯỢNG, THỜI GIAN VÀ HÌNH THỨC KIỂM TRA

1. Đối tượng: Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở.

2. Hình thức kiểm tra:

- Kiểm tra trực tiếp:

+ Tổ chức Tổ kiểm tra thực tế tại các phòng, đơn vị (*phụ lục 1*) theo kế hoạch, thời gian cụ thể sẽ có Thông báo đến các đơn vị.

+ Đột xuất: Thực hiện thường xuyên trong năm, không báo trước thời gian, địa điểm, đơn vị kiểm tra; nội dung kiểm tra gồm toàn phần hoặc một phần nêu trong Kế hoạch này.

- Kiểm tra trực tuyến: Kiểm tra thường xuyên qua các phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin (*định kỳ hàng tháng có thông báo kết quả kiểm tra*).

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trưởng các phòng, Thủ trưởng các đơn vị chủ động quán triệt và thực hiện tự kiểm tra thường xuyên đối với việc thực hiện công tác cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính năm 2025 tại đơn vị; phối hợp và chuẩn bị các tài liệu liên quan để phục vụ cho công tác kiểm tra khi có yêu cầu.

2. Giao cho Văn phòng Sở tham mưu thành lập Tổ kiểm tra và thực hiện kiểm tra để thực hiện nội dung kế hoạch này và báo cáo kết quả kiểm tra cho Ban Giám đốc Sở.

Trên đây là Kế hoạch kiểm tra CCHC, kiểm soát TTHC năm 2025 của Sở Xây dựng, yêu cầu Trưởng các phòng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Sở tổ chức, triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Nội vụ (b/c);
- Ban Giám đốc Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, VP. Mai

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đỗ Thành Phương

Phục lục 1
ĐỐI TƯỢNG, THỜI GIAN KIỂM TRA

(Kèm theo Kế hoạch số /SoXD-VP ngày / / 2025 của Sở Xây dựng)

STT	Tên đơn vị	Thời điểm triển khai kiểm tra	Thời kỳ kiểm tra
1	Phòng Quản lý Quy hoạch và Phát triển đô thị	Dự kiến trong Quý II, Quý III và Quý IV/2025	Từ ngày 01/01/2025 đến thời điểm kiểm tra (riêng đối với các nội dung về giải quyết thủ tục hành chính thì tính từ ngày 15/12/2024 đến thời điểm kiểm tra)
2	Phòng Quản lý hoạt động và Vật liệu xây dựng		
3	Phòng Quản lý Nhà và Thị trường bất động sản		
4	Phòng Quản lý chất lượng xây dựng		
5	Phòng Quản lý kết cấu và an toàn giao thông		
6	Phòng Quản lý vận tải và phương tiện người lái		
7	Phòng Quản lý hạ tầng kỹ thuật		
8	Văn phòng		

Phục lục 2

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO KIỂM TRA CCHC, KIỂM SOÁT TTHC

(Kèm theo Kế hoạch số /SoXD-VP ngày / / 2025 của Sở Xây dựng)

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Kiểm tra các hoạt động triển khai, quán triệt, chỉ đạo thực hiện của các đơn vị thuộc Sở đối với công tác CCHC, kiểm soát TTHC (*Việc triển khai thực hiện trách nhiệm của thành viên Ban Chỉ đạo CCHC của đơn vị, trách nhiệm người đứng đầu trong thực hiện nhiệm vụ CCHC; việc gắn nhiệm vụ CCHC với công tác thi đua, khen thưởng, công tác xác định Chỉ số CCHC, sử dụng Chỉ số CCHC...*)

2. Kiểm tra tiến độ thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính năm 2025; chế độ thông tin báo cáo định kỳ về CCHC, kiểm soát thủ tục hành chính.

3. Về công tác kiểm tra cải cách hành chính (*Kiểm tra theo kế hoạch; kiểm tra đột xuất; kết quả, tiến độ xử lý, khắc phục những hạn chế, bất cập sau kiểm tra*).

4. Về công tác thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính (*Nội dung, hình thức và kết quả thực hiện; nêu rõ số lượng các tin, bài viết, phóng sự chuyên đề về CCHC đã thực hiện*).

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH, KIỂM SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Cải cách thể chế

- Kết quả xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật; tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, thi hành pháp luật; thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật.

- Kết quả kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật (*Số lượng văn bản đã được kiểm tra, rà soát; tiến độ, kết quả xử lý văn bản sau kiểm tra, rà soát; kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật*).

2. Cải cách thủ tục hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính

a) Công tác triển khai thực hiện các văn bản kiểm soát TTHC (*Kế hoạch kiểm soát TTHC và các văn bản chỉ đạo điều hành*)

b) Công bố, công khai, niêm yết TTHC; Rà soát đề xuất phương án đơn giản hóa TTHC:

- Kết quả tham mưu công bố, công khai TTHC, Danh mục TTHC (*đối với các phòng chuyên môn tham gia giải quyết TTHC*);

- Kết quả công khai, niêm yết TTHC (*trực tiếp, trên Trang thông tin điện tử và các hình thức khác*), số điện thoại đường dây nóng;

- Kết quả rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC (*Số lượng TTHC được rà soát; số lượng TTHC đã được phê duyệt, thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa; đánh giá về cắt giảm chi phí tuân thủ và những hiệu quả sau khi cắt giảm, đơn giản hóa*);

- Kết quả tham mưu công bố TTHC nội bộ; rà soát, đề xuất đơn giản hóa TTHC nội bộ;

- Tổng hợp, cập nhật số lượng TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị (toàn trình, một phần)".

c) Kết quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC:

- Tình hình tổ chức và hoạt động của Bộ phận Một cửa.
- Kết quả thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC.
- Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC.

d) Kết quả tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức liên quan đến quy định TTHC.

e) Kết quả thực hiện việc đánh giá chất lượng giải quyết TTHC, chất lượng giải quyết xử lý phản ánh, kiến nghị. Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan, đơn vị trong việc giải quyết TTHC (nếu có).

3. Cải cách tổ chức bộ máy

- Kết quả rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy, hoàn thiện các quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của cơ quan, đơn vị, địa phương và các đơn vị thuộc, trực thuộc. Việc ban hành quy chế làm việc.

- Kết quả quản lý, sử dụng biên chế công chức, viên chức, số lượng cấp phó của các tổ chức bên trong của cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập.

- Kết quả thực hiện các quy định về phân cấp quản lý nhà nước giữa các cấp chính quyền (nếu có).

4. Cải cách chế độ công vụ

- Việc thực hiện xây dựng, phê duyệt Đề án vị trí việc làm. Việc sử dụng, cập nhật phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức;

- Việc thực hiện các quy định về tuyển dụng công chức, viên chức; bổ nhiệm, bổ nhiệm lại lãnh đạo, quản lý được trong thời kỳ kiểm tra.

- Kết quả thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và kết quả thực hiện các cơ chế, chính sách thu hút người có tài năng vào làm việc tại cơ quan, việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức tại cơ quan.

5. Cải cách tài chính công

- Kết quả thực hiện quy định về quản lý, sử dụng tài sản công; kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các ĐVSNCL.

- Kết quả thực hiện các quy định về quản lý tài chính - ngân sách tại cơ quan, đơn vị, địa phương: Kết quả thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công. Tiến độ, kết quả thực hiện thu ngân sách Nhà nước theo Kế hoạch được giao. Tiến độ, kết quả thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán Nhà nước về tài chính, ngân sách (nếu có).

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

- Tiến độ, kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao tại các chương trình, kế hoạch, văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và Ban Chỉ đạo về Chuyển đổi số tỉnh và kết quả thực hiện các mục tiêu Chuyển đổi số và đảm bảo an toàn thông tin trên địa bàn tỉnh.

- Kết quả xây dựng, phát triển dữ liệu số (*số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC, tái sử dụng dữ liệu; lập, lưu trữ hồ sơ điện tử, kho lưu trữ dữ liệu điện tử*).

- Kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG (Kết quả đạt được; những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân).

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT (*Nêu những kiến nghị, đề xuất cụ thể, rõ ràng đối với Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương và UBND tỉnh*)./.